***Ngày soạn: Ngày dạy:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tiết 86:*** |  | **THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU** | | | |
| **I.Mục tiêu:**  **1.Kiến thức:**  - Nắm được cấu tạo của các loại trạng ngữ.  **2.Kĩ năng:**  **-** Nắm được kĩ năng sử dụng câu với các loại trạng ngữ khác nhau.  **-** Trong sử dung, biết cách tách trạng ngữ thành câu riêng biệt để nhấn mạnh ý, chuyển ý, bộc lộ những cảm xúc nhất định.  **3. Thái độ**  - Nâng cao ý thức học tập.  **4. Năng lực:**  - Năng lực chung: giải quyết vấn đề, tư duy logic, hợp tác  - Năng lực riêng: đánh giá, giao tiếp bằng ngôn ngữ  **II. PHƯƠNG TIỆN/HỌC LIỆU**  **1. Chuẩn bị của giáo viên:** Đọc tài liệu, nghiên cứu soạn bài.  **2. Chuẩn bị của học sinh:** làm theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.  **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**   1. ***Ổn định tổ chức lớp: 1’*** 2. ***Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh: trong lúc dạy bài mới*** 3. ***Bài mới*** | | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**  1. Mục tiêu:  - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.  2. Phương thức thực hiện:  - Hoạt động cá nhân, HĐ chung cả lớp.  3. Sản phẩm hoạt động  - Trình bày miệng  4. Phương án kiểm tra, đánh giá  - Học sinh đánh giá.  - Giáo viên đánh giá. | | | | | | |
| - Tổ chức thi đặt câu có trạng ngữ (thời gian, địa điểm...) theo đúng yêu cầu bất ngờ của quản trò  - Nhóm nào đặt được nhiều câu đúng và nhanh nhất thắng cuộc  - Nhận xét, đánh giá | | | - Hoạt động dưới sự điều khiển của quản trò | - Nhắc lại kiến thức về trạng ngữ đã học ở tiết trước | - Năng lực hợp tác, ngôn ngữ, tư duy | |

**HOẠT ĐỘNG 2: HỆ THỐNG KIẾN THỨC**

\*Mục tiêu:Giúp HS nắm được các kiến thức cơ bản của 2 văn bản

\* Nhiệm vụ: HS hoàn thành yêu cầu vào phiếu học tập.

\* Phương thức thực hiện: hoạt động nhóm.

\* Yêu cầu sản phẩm: phiếu học tập, câu trả lời của HS

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Hoạt động 1***: | ***Tìm hiểu công dụng của trạng ngữ:*** | | ***I. Công dụng của trạng ngữ:*** |  |
| \* GV treo bảng phụ 2 ví dụ ở SGK, yêu cầu học sinh đọc.  - Em hãy xác định trạng ngữ trong các câu văn và gọi tên các trạng ngữ?  - Vì sao trong các câu văn trên ta không nên hoặc không lược bỏ được trạng ngữ?  - Trong văn nghị luận em sắp xếp luận cứ theo những trật tự nhất định (Thời gian, không gian) Trạng ngữ có vai trò gì trong việc thể hiện trình tự lập luận ấy?  - Vậy theo em trạng ngữ có những công dụng gì? | | - HS đọc các ví dụ  - HS tìm các trạng ngữ, và gọi tên  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS nêu ghi nhớ | 1. Ví dụ: SGK  2. Nhận xét  \* Trạng ngữ:  - Thường thường, vào khoảng đó⇨ Trạng ngữ chỉ thời gian.  - Sáng dậy⇨ Trạng ngữ chỉ thời gian.  - Trên giàn hoa lí⇨Trạng ngữ chỉ địa điểm.  - Chỉ độ tám chín giờ sáng⇨Trạng ngữ chỉ thời gian.  - tren nền trời trong =>chỉđịa điểm.  - Về mùa đông⇨Trạng ngữ chỉ thời gian.  \* Trạng ngữ bổ sung cho câu những thông tin cần thiết làm cho câu miêu tả đầy đủ thực tế, khách quan.  \* Trong nhiều trường hợp nếu thiếu trạng ngữ nội dung sẽ thiếu chíng xác.  \* Trạng ngữ còn được dùng để nối kết các câu văn làm cho đoạn văn bài văn được mạch lạc.  3. Kết luận | - Năng lực tự học  - Năng lực giao tiếp |
| ***Hoạt động 2***: Tìm hiểu tách trạng ngữ thành câu riêng | | | **II. Tách trạng ngữ thành câu riêng** |  |
| \* GV viết 2 ví dụ lên bảng.  - Hãy chỉ ra trạng ngữ của câu đứng trước?  - So sánh trạng ngữ này với câu đứng sau để thấy sự giống và khác nhau?  - Theo em việc tách câu như trên có tác dụng gì?  - Qua việc tìm hiểu ví dụ ta cần ghi nhớ điều gì? | | - HS quan sát và chép ví dụ vào vở.  - HS trao đổi cặp  - HS trao đổi cá nhân  - HS trả lời | 1. Ví dụ:  - Trạng ngữ "Để tin tưởng hơn nữa vào tương lai của nó" tách thành câu riêng biệt.  2. Nhận xét.    ⇨ Tác dụng: + Nhấn mạnh ý nghĩa của trạng ngữ 2.  + Tạo nhịp điệu cho câu văn.  + Có giá trị tu từ.  3. Kết luận: SGK | - Năng lực tự học  - Năng lực giao tiếp  - Ngôn ngữ, thuyết trình |
|  | **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **\*Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để làm bài  **\*Nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, trình bày  **\* Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân  **\*Yêu cầu sản phẩm:** câu trả lời của HS | | | |
| - Nêu công dụng của trạng ngữ trong đoạn trích a, b?  - Chỉ ra những trường hợp tách trạng ngữ thành câu riêng trong các chuỗi câu dưới đây, tác dụng?  \* GV hướng dẫn HS định hướng cách làm bài | | - HS tìm và nêu công dụng của trạng ngữ  - Hs lên bảng | ***III. Luyện tập***  Bài 1: Công dụng của trạng ngữ: Bổ sung những thông tin tình huống và liên kết các luận cứ trong mạch lập luận của bài văn, giúp cho bài văn trở nên rõ ràng, dễ hiểu.  Bài 2:  a. Tách trạng ngữ nhằm nhấn mạnh thời điểm hi sinh của nhân vật nói đến ở câu trước đó.  b. Tách trạng ngữ làm nổi bật thông tin ở nòng cốt câu.  Bài 3: Gạch chân các bộ phận trạng ngữ trong các câu sau và cho biết trạng ngữ ở câu nào không thể tách thành câu riêng?  A. Lan và Huệ chơi rất thân với nhau từ hồi còn học mẫu giáo.  B. Ai cũng phải học tập thật tốt để có vốn hiểu biết phong phú và để tạo dựng cho mình một sự nghiệp.  \*C. Qua cách nói năng, tôi biết nó đang có điều phiền muộn gì trong lòng.  D. Mặt trời đã khuất sau rặng núi. | - Năng lực giải quyết vấn đề  - Năng lực giao tiếp  - Năng lực tư duy logic |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **\*Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.  **\*Nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, trình bày  **\* Phương thức thực hiện:** HĐ cá nhân  **\*Yêu cầu sản phẩm:** câu trả lời của HS. | | | | |
|  | |  |  |  |
| ***4. GV dặn dò và giao bài tập về nhà cho HS:***   * Học bài, thuộc ghi nhớ. Hoàn thiện bài tập. * Làm bài tập 3 sách giáo khoa. Soạn: Cách làm bài văn lập luận chứng minh. | | | | |

**\* RÚT KINH NGHIỆM.**

…………………………………………………………………………………….